

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 22/VPT ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Công ty TNHH Đầu  
tư Vạn Phú Thịnh đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
2521/TTr-STNMT ngày 03 tháng 6 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh, địa chỉ tại số  
73 đường Trương Định, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm,  
tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án mở  
lộ thiên khai thác mỏ vật liệu san lấp núi Sô Ngang 2 tại xã Phước Trung, huyện  
Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: mỏ lộ thiên khai thác mỏ vật liệu san lấp núi Sô Ngang 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh  
Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số 4500637997 do Phòng  
đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu  
ngày 20/02/2020, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 28/02/2023 cho Công ty TNHH

Đầu tư Vạn Phú Thịnh.

1.4. Mã số thuế: 4500637997.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khai thác đất làm vật liệu san lấp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích đất sử dụng: 14,5905 ha (bao gồm khai trường và các công trình phụ trợ).

- Quy mô: mức vốn Dự án tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất khai thác: 110.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/năm (tương đương 129.800 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 02/6/2023.

- Công nghệ khai thác: sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược xúc lên ô tô và vận chuyển ra khỏi khu vực Dự án.

- Tổng vốn đầu tư: 10.221.000.000 đồng.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả thải khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh:

**1.** Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.** Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bác Ái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TN&MT, XD;
- UBND huyện Bác Ái;
- UBND xã Phước Trung;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. LXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Huyền**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: nước thải sau xử lý được bơm vào hồ sinh thái để tái sử dụng cho các hoạt động của Dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ sinh thái.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1292995,7$ ;  $Y = 576105,4$  (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Điểm xả có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $0,445 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; tương đương  $0,02 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được bơm về hồ sinh thái.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (đạt giá trị cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		

4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000	97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng nhà vệ sinh di động kết hợp bể tự hoại 02 ngăn, sau đó theo đường ống về bồn chứa rồi bơm về hồ sinh thái để tái sử dụng cho các hoạt động của Dự án.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân viên: 01 nhà vệ sinh di động kết hợp bể tự hoại 02 ngăn (dung tích 1,6 m<sup>3</sup>).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → Bể tự hoại 02 ngăn (gồm: ngăn lắng và ngăn lọc) → Bồn chứa nước thải sau xử lý → Hồ sinh thái → Tái sử dụng cho các hoạt động của Dự án.

- Công suất xử lý nước thải của bể tự hoại: 01 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: hóa chất sử dụng chế phẩm sinh học EM/P.MET.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; quan trắc định kỳ: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét định kỳ bùn cặn trong công trình xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đối với nước thải sinh hoạt: tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý vào hồ sinh thái, có tọa độ X = 1292995,7; Y = 0576105,4 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên Dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại 02 ngăn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng trong khu vực Dự án.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:** nguồn phát sinh khí thải, bụi từ hoạt động của máy móc, thiết bị và quá trình khai thác, xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp từ khu vực khai thác. Trong đó, thành phần ô nhiễm chính: Bụi (TSP), NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> và CO.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi: các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực Dự án tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: khi máy móc, thiết bị của quá trình hoạt động khai thác và từ việc xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp cùng hoạt động.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải: không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động khai thác và xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp.

2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	TSP	µg/m <sup>3</sup>	300
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	350
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	30.000

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, GIẢM THIỂU KHÍ THẢI, BỤI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, giảm thiểu khí thải, bụi:

1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ quá trình hoạt động khai thác:

- Trang bị một (01) xe bồn chuyên dụng có dung tích bồn chứa nước 5,0 m<sup>3</sup> để phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực Dự án ra đến Tỉnh lộ 705 với tần suất 2 - 4 lần/ngày.

- Phun nước tạo ẩm bề mặt khu vực khai thác trong quá trình xúc bốc.

1.2. Các phương tiện vận tải tuân thủ đúng trọng tải, phải được đăng kiểm, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Quản lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Duy trì việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị như tưới nước dập bụi tại khu vực Dự án, đảm bảo bụi, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

**1. Nguồn phát sinh:** chủ yếu từ hoạt động khai thác và từ quá trình bốc xúc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp đi tiêu thụ.

**2. Vị trí phát sinh:** các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực Dự án tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:**

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

1.1. Sử dụng các loại thiết bị, máy móc đúng công suất thiết kế đã nêu trong Báo cáo và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

1.2. Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Công ty TNHH Đầu tư Vạn Phú Thịnh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

## Phụ lục 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	1
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	Rắn	4
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	12
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	100
<b>Tổng cộng</b>				<b>117</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp phụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15
2	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	20
<b>Tổng cộng</b>				<b>35</b>

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh: chủ yếu là cây bụi phát sinh trong quá trình phát quang với tổng khối lượng 24 tấn cho toàn bộ diện tích dự án (tại khu vực khai trường thực hiện phát quang theo đợt, khối lượng chất thải phát sinh khoảng 6 tấn/đợt x 4 đợt).

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2.117 kg/năm. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa và các loại khác.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: sáu (06) thùng chứa bằng nhựa (có nắp đậy) đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại tại khu vực nhà quản lý điều hành.

- Kho lưu chứa: diện tích 6,0 m<sup>2</sup> (kích thước 3,0 m x 2,0 m), tường được bao bằng tôn, mái lợp tôn, nền láng xi măng có gờ ngăn nước mưa chảy vào kho theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường: thực vật thải (cây bụi...) được cho người dân tận dụng làm chất đốt hoặc chuyển giao cho đội vệ sinh xã Phước Trung thu gom, vận chuyên, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí một (01) thùng rác dung tích 200 lít đặt tại khu vực nhà điều hành, định kỳ 1 lần/tuần đội vệ sinh của địa phương đến thu gom và vận chuyên đi xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

##### 1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án được thực hiện đúng theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022, cụ thể:

##### 1.1. Đối với khu vực khai trường:

+ Tháo dỡ các hạng mục công trình, vận chuyển thiết bị, máy móc ra khỏi khu vực Dự án; đào mương thoát nước; lắp hàng rào; lắp biển báo nguy hiểm.

+ Diện tích đáy moong (87.004 m<sup>2</sup>) khu vực phía Tây sau kết thúc khai thác có cao độ trên 50 m, tiến hành trồng cây Neem với mật độ 1.100 cây/ha trên toàn bộ diện tích khu vực này và xung quanh moong khai thác.

+ Diện tích đáy moong (44.650 m<sup>2</sup>) khu vực phía Đông sau kết thúc khai thác có cao độ dưới 50 m, cải tạo làm hồ chứa nước.

1.2. Tuyến đường vận chuyển từ khu vực khai thác đến Tỉnh lộ 705, dài 800m: duy tu, sửa chữa trong suốt thời gian khai thác; riêng đối với đoạn đường vận chuyển dài 300 m (từ ranh giới khu vực khai thác đến vị trí tiếp giáp đoạn đường dài 500 m do địa phương quản lý), tiến hành cày xới, san gạt và trả lại mặt bằng cho người dân.

##### 2. Kinh phí và thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **729.678.000** đồng (Bảy trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.2. Thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường: thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt sau kết thúc khai thác.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án thực hiện các hạng mục cải tạo phục hồi môi trường theo Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

## **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Tổ chức cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và hoạt động này không được làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động dân sinh, sản xuất nông nghiệp của Nhân dân và các công trình xây dựng xung quanh./.